TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2022/DS-ST
Ngày: 06/6/2022.
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Bích Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cao Văn Quyến

2. Bà Tăng Thị Bạch Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: Ông Dương Thanh Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 99/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2022 về *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2022/QĐXXST-DS, ngày 17 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp B, xã K, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

* *Bị đơn*: Nguyễn Thị T, sinh năm 1969 và ông Lý S, sinh năm 1962. Cùng địa chỉ: ấp A, xã M, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (Bà T có mặt, ông S có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Bà Đ có mua của bà T một phần hụi do của dây hụi tháng 1.000.000 đồng, khui ngày 30/1/2020 âm lịch (có 30 phần), do bà T1 là chủ hụi, bà T là hụi viên tham gia 02 phần. Khi hụi khui được 03 lần đến lần thứ 4 thì bà Đ mua một phần hụi sống với số tiền 17.080.000 đồng (tính theo giá tiền người hốt hụi lần thứ 4, ra lời bao nhiêu thì bà Đ không nhớ) bà Đ đã giao tiền đầy đủ cho bà T. Do sau khi mua phần hụi này, bà Đ đóng được đến lần khui thứ 14 thì ra lời 900.000 đồng để hốt, nhưng chủ hụi là bà T1 không giao tiền hụi hốt cho bà, nên bà yêu cầu bà T và ông S là chồng bà T cùng trả lại cho bà số tiền hụi là 17.080.000 đồng.

Ngoài ra bà T có mượn bà Đ số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) bà T có trả lãi hàng tháng số tiền này, đến cuối năm 2020 thì không trả lãi nữa và cũng không trả vốn. Đến tháng 09/2020 bà T tiếp tục mượn bà số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), đến nay cũng không trả lãi và vốn.

Vì vậy, bà Đ yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng giải quyết buộc vợ chồng bà T và ông S phải trả cho bà tổng số tiền nợ là 97.080.000 đồng. Đồng thời yêu cầu tính lãi số nợ này tính từ 30/12/2020 đến nay (trong đơn khởi kiện bà T có ghi nhầm là tính lãi từ 30/01/2020).

**** Bị đơn T trình bày ý kiến như sau:*** Bà T thừa nhận, vợ chồng bà có vay bà Đ số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận và thừa nhận hiện nay vợ chồng bà vẫn còn nợ bà Đ số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng.

- Đối với tiền mượn 30.000.000 đồng mà bà Đ trình bày theo đơn khởi kiện là chưa đúng. Do bà T và bà Đ có cùng tham gia chung 01 dây hụi tháng 2.000.000 đồng, do bà T hốt hụi không được mà bà Đ hốt được nên có cho bà T mượn 01 chưng hốt này, hốt được 44.000.000 đồng. Sau đó bà T có trả cho bà Đ 20.000.000 đồng còn nợ lại 24.000.000 đồng. Vì vậy, bà T thừa nhận có nợ bà Đ tiền nợ hụi là 24.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà Đ.

- Đối với tiền hụi mua còn nợ là 17.080.000 đồng. Thực tế là bà Đ có mua 01 phần hụi tháng 1.000.000 đồng của bà T, hụi khui ngày 30/01/2020 âl, có 30 phần, do vợ chồng bà T1, ông Thi là chủ hụi, ở ấp An Nghiệp, xã An Mỹ, huyện Kế Sách. Dây hụi này bà T trực tiếp tham gia, bà T tham gia 02 chưng. Khi hụi khui đến lần thứ 3 (chết 02 lần) thì bà T bán cho bà Đ chưng hụi này, thỏa thuận lần khui thứ 3 ra lời bao nhiêu thì bà Đ trả cho bà T bấy nhiều, nên bà Đ có giao cho bà T số tiền 17.080.000 đồng. Sau khi bán chưng hụi này cho bà Đ, hàng tháng bà T đóng tiền hụi lãi cho bà Đ còn lại tiền hụi sống thì bà T giao cho bà T1 chủ hụi (Tức là thực tế phần hụi bán cho bà Đ vẫn còn sống, nhưng khi lần khui thứ 3 thì bà T bán cho bà Đ theo giá tiền lãi khui lần 3 để hốt và bà Đ đã giao đủ tiền cho bà T). Việc bán chưng hụi này giữa bà T và bà Đ thì bà T1 có biết.

Vì vậy, dây hụi này bà T cho rằng không không còn liên quan đến bà nữa. Nay dây hụi này bị bể, bà T1 không trả tiền cho các hụi viên thì bà Đ cứ kiện đòi bà T1, ông Thi chứ bà không liên quan, nên bà không đồng ý trả theo yêu cầu của bà Đ.

Tại phiên tòa, bà T thừa nhận hiện nay vợ chồng bà và chồng bà là ông Lý S còn nợ bà Đ số tiền là 74.000.000 đồng (trong đó nợ vay là 50.000.000 đồng và tiền nợ hụi là 24.000.000 đồng) và vợ chồng bà đồng ý trả cho bà Đ số tiền 74.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 30/12/2020 đến 30/3/2022, lãi suất là 10%/năm, với số tiền khoảng 9.251.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng vợ chồng bà T nợ bà Đ số tiền vốn, lãi là 83.251.000 đồng. Vợ chồng bà T xin trả nợ dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Tiền lãi từ tháng 4/2022 cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm thì bà T xin không trả tiền lãi cho bà Đ nữa.

* ***Bị đơn S có trình bày ý kiến như sau***: Quá trình giải quyết vụ án, ông S thống nhất ý kiến trình bày của vợ ông là bà T về số tiền nợ vay và nợ hụi, cũng thừa nhận hiện nay vợ chồng ông còn nợ bà Đ số tiền là 74.000.000 đồng và đồng ý cùng vợ là bà T trả cho bà Đ số tiền 74.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày

30/12/2020 đến 30/3/2022, lãi suất là 10%/năm, với số tiền khoảng 9.251.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng vợ chồng ông nợ bà Đ số tiền vốn, lãi là 83.251.000 đồng. Vợ chồng ông xin trả nợ dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Tiền lãi từ tháng 4/2022 cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm thì bà T xin không trả tiền lãi cho bà Đ nữa.

Tại phiên tòa, bà Đ thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền nợ hụi mua mà bà yêu cầu vợ chồng bà T và ông S phải trả, cụ thể:

- Đối với số tiền nợ hụi mua của bà T với số tiền là 17.080.000 đồng, bà Đ không yêu cầu bà T và ông S trả nữa. Vì số tiền này bà Đ, bà T và bà Thuỷ (chủ hụi) đã tự thỏa thuận xong, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nữa.

Do vợ chồng ông S và bà T thừa nhận có vay tiền và nợ tiền hụi của bà Đ là 74.000.000 đồng (trong số tiền nợ vay là 50.000.000 đồng và tiền hụi mượn là 24.000.000 đồng), cùng đồng ý trả tiền lãi cho bà T từ ngày 30/12/2020 đến ngày 30/3/2022 là 15 tháng, lãi suất là 10%/năm, với số tiền là 9.251.000 đồng, tổng cộng thừa nhận còn nợ bà T số tiền là 83.251.000 đồng thì bà T đồng ý tính chẵn tiền nợ là 83.000.000 đồng (giảm một phần tiền lãi là 251.000 đồng) và đồng ý không tính lãi từ tháng 4/2022 cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm. Nhưng bà không đồng ý cho vợ chồng bà T trả dần thành nhiều lần, mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền 83.000.000 đồng, do vợ chồng bà T nợ bà quá lâu.

Tại phiên tòa, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung giải quyết vụ án*: Do các đương sự đã thống nhất được với nhau về số tiền nợ, nhưng không thống nhất về thời gian trả tiền và tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn cùng trả cho nguyên đơn số tiền nợ hụi và nợ vay là 83.000.000 đồng, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là tự nguyện, nội dung thay đổi không vượt quá phạm vi khởi kiện, được quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiện hoàn trả cho nguyên đơn số tiền nợ hụi là 83.000.000 đồng. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bị đơn là ông Lý S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất và ông S có đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn là bà Đ đồng ý xét xử vắng mặt ông S. Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn S. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn Lý S.

[1.2] Theo đơn khởi kiện ngày 07/3/2022, nguyên đơn là bà Đ yêu cầu bị đơn là bà T và ông S trả cho bà số tiền nợ hụi và nợ vay là 97.080.000 đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền nợ hụi, cụ thể: Yêu cầu bị đơn T và S trả cho nguyên đơn Đang số tiền nợ hụi và nợ vay là 74.000.000 đồng (trong số tiền nợ vay là 50.000.000 đồng và tiền hụi mượn là 24.000.000 đồng) cùng tiền lãi hụi tính từ ngày 30/12/2020 đến ngày 30/3/2022 là 15 tháng, lãi suất là 10%/năm, với số tiền là 9.251.000 đồng, tổng cộng là 83.251.000 đồng, bà Đ đồng ý giảm một phần tiền lãi là 251.000 đồng, chỉ còn là 83.000.000 đồng và yêu cầu bà T cùng ông S cùng có trách nhiệm trả cho bà. Bà Đ không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết phần tiền hụi mua của bà T là 17.080.000 đồng, vì bà đã tự thỏa thuận xong. Xét việc thay đổi yêu cầu một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là tự nguyện, nội dung thay đổi không vượt quá phạm vi khởi kiện và đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Nguyên đơn Đang và bị đơn T và Sang đã thống nhất có thỏa thuận tham gia chơi hụi và vay mượn tiền với nhau. Bà Đ và bà T, ông S đều đã thống nhất số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn là 83.000.000 đồng và bị đơn đồng ý cùng trả nợ cho nguyên đơn. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ nhận định rằng Hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản giữa bà Đ và bà T, ông S được lập trên cơ sở tự nguyện của các bên, không trái đạo đức xã hội, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, khi giao kết hợp đồng phía bà Đ và bà T, ông S đều là những người có đủ năng lực hành vi dân sự nên giao dịch trên giữa các đương sự là hợp pháp.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 463, 471, Điều 466 và Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hồng Đ, buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị T và ông Lý S cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ 83.000.000 đồng.

[2.2] Đối với yêu cầu xin trả chậm thành nhiều lần của bà T và ông S không được bà Đ chấp nhận và yêu cầu này thuộc giai đoạn thi hành án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách như đã phân tích trên.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 về án phí,

lệ phí tòa án, bà Nguyễn Thị T và ông Lý S cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 83.000.000 đồng x 5% = 4.150.000 đồng.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 3 Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 463, Điều 471, Điều 466 và Điều 288 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hồng Đ. Buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị T và ông Lý S cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Hồng Đ số tiền còn nợ là 83.000.000 (*tám mươi ba triệu*) đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Thị Hồng Đ có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Nguyễn Thị T và ông Lý S cùng có trách nhiệm liên đới trả lãi cho bà Nguyễn Thị Hồng Đ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn là bà Nguyễn Thị T và ông Lý S cùng có trách nhiệm liên đới phải chịu 4.150.000 (*Bốn triệu một trăm năm mươi*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hồng Đ được nhận lại 2.427.000 (*hai triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003782 ngày 05/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ và bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt là ông Lý S được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tô Thị Bích Duyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Văn Quyến **Tăng Thị Bạch Vân** **Tô Thị Bích Duyên**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Khanh **Nguyễn Văn Kịch** **Tô Thị Bích Duyên**

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tô Thị Bích Duyên